TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST Ngày 12-04-2024 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 12 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Lê T, sinh năm 1982; thường trú: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Cẩm N, sinh năm 1990; thường trú: Số 19/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Lê T trình bày: Ông T và bà N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hòa, huyện Dĩ An nay là "phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An", tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 207, ngày 24/11/2010. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đến giữa năm 2014, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà Võ Thị Cẩm N có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khiến cuộc sống gia đình trở nên ngột ngạt, căng thẳng. Từ tháng 10/2014 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Sau khi sống ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Nguyễn Lê T được ly hôn với bà Võ Thị Cẩm N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 22/11/2010 và Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 28/02/2013. Ông Nguyễn Lê T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Võ Thị Cẩm N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Lê T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, bị đơn bà Võ Thị Cẩm N trình bày: Sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì bà N và ông T tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2010 tại Ủy ban nhân dân hôn xã Đông Hòa, huyện Dĩ An nay là "phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An", tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 207. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng giữ năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó tới nay mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không thể sống hòa thuận và hạnh phúc nữa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2014 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cải vã nhau, khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay bà Võ Thị Cẩm N xác định vẫn không còn tình cảm với ông Nguyễn Lê T, nên bà N đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 22/11/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 28/02/2013. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý để ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và bà N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Dĩ An nay là "phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An", tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 207 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên yêu cầu được ly hôn. Bà N thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, ngột ngạt, không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục

đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Ông T và bà N đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. ông T và bà N đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình ông T yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 22/11/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 28/02/2013. Khi giải quyết ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà N đồng ý để ông T trực tiếp nuôi con và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Hai cháu Mai và Trang cũng mong muốn được ở với ông T. Vì vậy, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê T đối với bà Võ Thị Cẩm N về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Lê T được ly hôn với bà Võ Thị Cẩm N. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 207 do Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Dĩ An nay là "phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An", tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/11/2010).

- Về con chung: Bà Võ Thị Cẩm N giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 22/11/2010 và Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 28/02/2013 cho ông Nguyễn Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Lê T không yêu cầu bà Võ Thị Cẩm N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, ông T và bà N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông T nuôi con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Lê T và bà Võ Thị Cẩm N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Lê T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001599, ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng